

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XM  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 23/10/2020  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

2. Ông Huỳnh Quang Duy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1994 (có mặt).

*Địa chỉ:* Ấp TT, xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1988 (có mặt).

*Địa chỉ:* Ấp TN, xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2020, bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – Bà Phạm Thị Thu T trình bày:*

Bà Phạm Thị Thu T xây dựng gia đình với ông Trần Văn T vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng mới về nhà ở xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T và ông T chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến trong vấn đề chi tiêu tiền bạc, sinh hoạt trong gia đình nên thường xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, ngoài ra bà T còn mâu thuẫn với gia đình chồng từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn không thể nào khác

phục được. Bà T và ông T sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung tên Trần Đức N, sinh ngày 01/7/2019. Hiện nay, cháu N phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần. Trong thời gian ly thân, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhân. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản khai, biên bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà T trình bày là đúng, ông T không bổ sung gì thêm, hôn nhân giữa ông T và bà T là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng mới về nhà ở xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông T và bà T chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến trong vấn đề chi tiêu tiền bạc, sinh hoạt trong gia đình nên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông T và bà T ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay, bà T trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống, trong thời gian ly thân, ông T luôn tìm cách gặp bà T để nói chuyện hàn gắn tình cảm nhưng bà T không đồng ý. Theo ông T mặc dù ông T và bà T có xảy ra mâu thuẫn nhưng đó là mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng có thể trở về chung sống với nhau. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý vì ông T vẫn còn tình cảm với bà T, ông T muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Ông T và bà T có 01 con chung tên Trần Đức N, sinh ngày 01/7/2019. Hiện nay, cháu N phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần. Trong thời gian ly thân, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông T đồng ý giao cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Phạm Thị Thu T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Trần Văn T đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Trần Văn T có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T xây dựng gia đình vào năm 2018 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 08/10/2018 tại UBND xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và về mâu thuẫn vợ chồng bà Thủy và ông T trình bày là thống nhất do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường phát sinh cãi vã, từ tháng 4 năm 2020 đến nay bà T và ông T ly thân không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Trung; ông T không đồng ý ly hôn do còn tình cảm với bà Thủy.

Kết quả xác minh tại địa phương: Về nguyên nhân mâu thuẫn do bà T và ông T không hòa giải ở cơ sở nên địa phương không biết được nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông T.

Xét yêu cầu của bà T cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà T và ông T phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc, nhưng từ tháng 4 năm 2020 đến nay bà T và ông T ly thân, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Ông T cho rằng vẫn còn thương yêu bà T và mong muốn Tòa án hòa giải cho đoàn tụ. Tuy ông T yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng ông T không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, Tòa án đã hòa giải nhiều lần với mục đích bà T và ông T trở về đoàn tụ chung sống nhưng bà T vẫn nhất quyết xin ly hôn.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà T và ông T thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T.

[3] Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung tên Trần Đức N, sinh ngày 01/7/2019, hiện đang sống với bà T. Xét yêu cầu nuôi con của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu N mới hơn 01 tuổi còn rất nhỏ nên rất cần sự chăm sóc yêu thương từ người mẹ, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi” hơn nữa, ông T đồng ý để bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Do đó giao cháu N cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Thu T đối với ông Trần Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu T được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Đức N, sinh ngày 01/7/2019 cho bà Phạm Thị Thu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị Thu T không yêu cầu ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thu T và ông Trần Văn T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thu T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001304 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thảo**